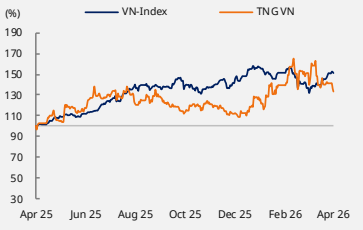
MIRAE ASSET
Securities

Báo cáo doanh nghiệp
23/04/2026

(Nâng khuyến nghị)	**Mua**
Giá mục tiêu (VND)	**26,500**
Giá hiện tại (23/04/2026, VND)	22,100
Lợi nhuận kỳ vọng	+20%

LNST cổ đông cty mẹ (26F, tỷ VND)	493
Kỳ vọng thị trường (26F, tỷ VND)	436
Tăng trưởng EPS (26F, %)	20.7
P/E (26F, x)	8.4
P/E thị trường (x)	16.9
VNIndex	1,826
Vốn hóa (tỷ đồng)	2,781
SLCP đang lưu hành (triệu)	129
% tự do chuyển nhượng (%)	57.7
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	22.0
Beta (12T)	0.9
Thấp nhất 52 tuần (VND)	14,100
Cao nhất 52 tuần (VND)	28,000

(%)	1T	6T	12T
Tuyệt đối	-4.8	16.1	38.5
Tương đối	-19.3	8.0	-13.6



CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Vietnam)

BÙI NGỌC CHÂU
chau.bn@miraeasset.com.vn

HNX: TNG · Dệt may

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG

KQKD ổn định trong Q1/2026

Định giá và khuyến nghị

Chúng tôi đã sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do cho công ty (FCFF) để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG), với tỷ suất lợi nhuận yêu cầu là 13% và giả định tăng trưởng dài hạn 0% sau năm 2036. Do đó, chúng tôi duy trì mục tiêu ở mức 26,500 đồng, nhưng nâng khuyến nghị lên Mua (từ Nắm giữ) khi giá cổ phiếu đã giảm 18.1% từ lần cập nhật gần nhất (VN-Index: +9.1%).

Bối cảnh vĩ mô và ngành

Xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam vững chắc với giá trị xuất khẩu T3 và Q1/2026 đạt 3.1 tỷ USD (+3.0% CK) và 8.8 tỷ USD (+1.9% CK). Sản xuất hàng may mặc trong nước ổn định khi IIP tăng 8.6% CK trong khi chỉ số sử dụng lao động đi ngang. Tuy nhiên, các tín hiệu suy yếu xuất hiện khi nhập khẩu một số nguyên liệu chính như bông (-16.5% CK) và vải (-1.7% CK) hạ nhiệt trong quý.

Mặt khác, giá dầu thô cao do chiến tranh Mỹ-Iran kéo dài thúc đẩy lạm phát ở các thị trường trọng điểm, làm suy yếu nhu cầu và niềm tin tiêu dùng. Chi phí nhiên liệu cao cũng đe dọa tỷ suất lợi nhuận của các công ty may mặc.

Cập nhật HĐKD

Doanh thu Q1/2026 của TNG tăng trưởng mạnh 29.2% CK, đạt 1,951.9 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp thu hẹp xuống còn 12.1% (Q1 2025: 15.2%) và lợi nhuận gộp đạt 235.9 tỷ đồng (+2.6% CK). Trong khi thu nhập tài chính gần như không đổi, chi phí tài chính tăng 9.2% CK do nợ tăng và lãi suất cao hơn. Chi phí bán hàng cũng tăng 46.4% CK trong bối cảnh giá cước vận chuyển cao. Lợi nhuận hoạt động của TNG giảm nhẹ xuống còn 50.8 tỷ đồng (-5.4% CK). Trong quý, công ty ghi nhận lợi nhuận bất thường là 25.2 tỷ đồng (Q1 2025: 168 triệu đồng). LNST Q1 của TNG đạt 60.3 tỷ đồng (+39.3% CK).

Vào giữa tháng Tư, TNG đã công bố đơn từ chức của Chủ tịch Nguyễn Văn Thời.

Dự phóng năm 2026

Với mức thuế toàn cầu mới của Mỹ, chúng tôi kỳ vọng khách hàng sẽ khai thác khoảng thời gian 150 ngày và tích trữ hàng tồn kho để giảm rủi ro, tương tự như giai đoạn giữa năm 2025, điều này sẽ thúc đẩy hiệu suất của TNG trong nửa đầu năm 2026. Tuy nhiên, do chiến tranh Mỹ-Iran, chúng tôi cho rằng các chi phí chính sẽ tăng đáng kể và nhu cầu hàng may mặc tại các thị trường trọng điểm cũng sẽ bị ảnh hưởng. Nghiêm trọng hơn, một cú sốc năng lượng có khả năng làm ngừng sản xuất. Do đó, chúng tôi dự phóng quy mô lao động trung bình của TNG chỉ tăng nhẹ, tăng 5.9% CK lên 20,000, với năng suất lao động khoảng 465 triệu đồng/người (+0.8% CK). Doanh thu của TNG dự kiến ở mức 9,300 tỷ đồng (+6.9% CK) với tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 15.4%. Các khoản chi phí chính khác, đặc biệt là chi phí tài chính và quản lý, bán hàng, sẽ tăng do lạm phát. Chúng tôi dự báo lợi nhuận hoạt động và LNST năm 2026 lần lượt là 601.1 tỷ đồng (+26.5% CK) và 492.9 tỷ đồng (+25.4% CK).

Năm	2024	2025	2026	2027	2028
Doanh thu (tỷ VND)	7,656	8,699	9,300	9,635	10,080
LNHĐ (Tỷ VND)	401	475	601	590	647
Biên LNHĐ (%)	5.2	5.5	6.5	6.1	6.4
LNST CĐ Cty mẹ (tỷ VND)	315	393	493	483	530
EPS (VND)	1,984	2,602	3,140	3,079	3,377
ROE (%)	16.8	20.2	23.7	21.8	22.3
P/E (x)	7.9	6.0	8.4	8.6	7.8
P/B (x)	1.4	1.2	1.6	1.5	1.4

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Please see analyst certifications and important disclosures & disclaimers in Appendix 1 at the end of the report.

Bảng 1. KQKD và dự phóng (tỷ VND)

	Q1 2026	Q1 2025	% CK	Dự phóng 2026F	Kỳ vọng thị trường	Kế hoạch
Doanh thu	1,951.9	1,510.6	+29.2	9,300	9,195	9,500
LNST	60.3	43.3	+39.3	492.9	436	450

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 2. KQKD thực hiện và kế hoạch (tỷ VND)

FY	Doanh thu			LNST		
	Kế hoạch	Thực hiện	% Chênh lệch	Kế hoạch	Thực hiện	% Chênh lệch
2021	4,798	5,444	+13.5	175	232	+32.6
2022	6,000	6,778	+13.0	280	292	+4.3
2023	6,800	7,095	+4.3	299	226	-24.5
2024	7,900	7,656	-3.1	310	315	+1.6
2025	8,100	8,699	+7.4	340	393	+15.6

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 3. Định giá: Kịch bản cơ sở

Nợ vay trên tổng nợ vay và VCSH cuối 2026:	(x)	0.6
VCSH trên tổng nợ vay và VCSH cuối 2026:	(x)	0.4
Lãi suất nợ dài hạn:	(%)	10.0
Tỉ suất lợi nhuận yêu cầu:	(%)	13.0
Tỉ lệ tăng trưởng dài hạn:	(%)	0.0
Thuế TNDN:	(%)	18.0
Chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC):	**(%)**	**10.0**
Giá trị cuối cùng:	(tỷ VND)	2,520.6
Tổng giá trị dòng FCFF chiết khấu:	(tỷ VND)	4,338.8
Tổng nợ vay dự phóng cuối 2026:	(tỷ VND)	3,451.7
Lợi ích cổ đông không kiểm soát cuối 2026:	(tỷ VND)	0.0
Giá trị nội tại của doanh nghiệp:	(tỷ VND)	3,407.7
Giá trị nội tại mỗi cổ phần:	**(VND)**	**26,472**

Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 4. Các giả định chính

Doanh thu				**Hoạt động**	
Kỳ dự phóng			2026 - 2036	Tiền và tương đương tiền tối thiểu	500
Kịch bản cơ sở			Dự phóng	Thuế suất thuế TNDN	18.0%
Kịch bản lạc quan			+2.0%	Chi phí NVL/ Doanh thu	52.0%
Kịch bản bi quan			-2.0%		
Chi phí				**Lãi suất**	
Khoản mục	**2026**		**Thay đổi**	Lãi tiền gửi	7.0%
Nhân công	120	Triệu VND/NV	Lạm phát theo NV	Lãi vay ngắn hạn	8.0%
Mua ngoài	270	tỷ VND	Lạm phát theo tổng	Lãi vay dài hạn	10.0%
Khác	30	tỷ VND	Lạm phát theo tổng	Nợ ngắn hạn tối thiểu	2,000
Quản lý và bán hàng	600	tỷ VND	Lạm phát theo tổng		
Khấu hao				**Định giá**	
Phương pháp			Đường thẳng	Tỷ suất lợi nhuận yêu cầu	13.0%
Tài sản hiện có			10 năm	Tăng trưởng dài hạn	0.0%
CAPEX			20 năm		

Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 5. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản cơ sở

		2026F	2027F	2028F	2029F	2030F	2031F	2032F	2033F	2034F	2035F	2036F
Doanh thu	(tỷ VND)	9,300	9,635	10,080	10,428	10,780	11,138	11,500	11,868	12,240	12,618	13,000
LNHĐ	(tỷ VND)	601	590	647	651	676	704	722	749	774	795	1,134
Biên LNHĐ	(%)	6.5	6.1	6.4	6.2	6.3	6.3	6.3	6.3	6.3	6.3	8.7
LNTT	(tỷ VND)	601	590	647	651	676	704	722	749	774	795	1,134
LNST	(tỷ VND)	493	483	530	534	554	577	592	614	635	652	930
EPS	(VND)	3,140	3,079	3,377	3,403	3,531	3,677	3,774	3,912	4,045	4,154	5,922
ROE	(%)	23.7	21.8	22.3	20.9	20.2	19.6	18.7	18.0	17.3	16.6	21.5
P/E	(x)	8.4	8.6	7.8	7.8	7.5	7.2	7.0	6.8	6.5	6.4	4.5
P/B	(x)	1.6	1.5	1.4	1.3	1.2	1.1	1.0	1.0	0.9	0.8	0.7
Tổng tài sản	(tỷ VND)	6,816	6,795	6,785	6,758	6,807	6,858	7,028	7,223	7,433	7,708	8,257
VCSH	(tỷ VND)	2,149	2,288	2,465	2,646	2,843	3,059	3,287	3,533	3,797	4,074	4,579

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 6. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản lạc quan

		2026F	2027F	2028F	2029F	2030F	2031F	2032F	2033F	2034F	2035F	2036F
Doanh thu	(tỷ VND)	9,676	10,024	10,487	10,849	11,216	11,587	11,965	12,347	12,734	13,127	13,525
LNHĐ	(tỷ VND)	735	807	959	1,035	1,138	1,238	1,344	1,458	1,578	1,701	2,149
Biên LNHĐ	(%)	7.6	8.1	9.1	9.5	10.1	10.7	11.2	11.8	12.4	13.0	15.9
LNTT	(tỷ VND)	735	807	959	1,035	1,138	1,238	1,344	1,458	1,578	1,701	2,149
LNST	(tỷ VND)	603	662	786	849	933	1,015	1,102	1,195	1,294	1,394	1,762
EPS	(VND)	3,839	4,216	5,007	5,407	5,943	6,465	7,021	7,615	8,241	8,883	11,224
ROE	(%)	28.4	27.8	28.9	27.1	25.9	24.5	23.2	22.0	20.9	19.8	21.8
P/E	(x)	16.5	15.0	12.6	11.7	10.6	9.8	9.0	8.3	7.7	7.1	5.6
P/B	(x)	3.6	3.2	2.8	2.4	2.1	1.8	1.6	1.4	1.2	1.1	0.9
Tổng tài sản	(tỷ VND)	6,920	6,892	6,895	7,275	7,722	8,236	8,819	9,486	10,231	11,109	12,335
VCSH	(tỷ VND)	2,239	2,524	2,912	3,350	3,858	4,432	5,079	5,802	6,605	7,491	8,678

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 7. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản bi quan

		2026F	2027F	2028F	2029F	2030F	2031F	2032F	2033F	2034F	2035F	2036F
Doanh thu	(tỷ VND)	8,932	9,253	9,681	10,015	10,353	10,696	11,045	11,398	11,755	12,118	12,485
LNHĐ	(tỷ VND)	471	413	415	361	318	273	221	161	91	12	232
Biên LNHĐ	(%)	5.3	4.5	4.3	3.6	3.1	2.6	2.0	1.4	0.8	0.1	1.9
LNTT	(tỷ VND)	471	413	415	361	318	273	221	161	91	12	232
LNST	(tỷ VND)	386	339	341	296	261	224	182	132	75	10	190
EPS	(VND)	2,460	2,158	2,170	1,884	1,662	1,427	1,156	839	478	61	1,210
ROE	(%)	19.0	16.4	16.3	14.1	12.6	11.2	9.5	7.4	4.6	0.7	15.6
P/E	(x)	0.6	0.7	0.7	0.8	0.9	1.1	1.4	1.9	3.3	25.5	1.3
P/B	(x)	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.2	0.2
Tổng tài sản	(tỷ VND)	6,713	6,694	6,685	6,661	6,713	6,753	6,770	6,795	6,798	6,789	7,076
VCSH	(tỷ VND)	2,062	2,082	2,104	2,089	2,045	1,971	1,863	1,713	1,517	1,268	1,166

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Luận điểm đầu tư, định giá và rủi ro

Luận điểm đầu tư

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG) là một trong những công ty may mặc phát triển nhanh nhất tại Việt Nam, với cơ cấu tài chính táo bạo. Là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc hàng đầu của Việt Nam, công ty có danh mục khách hàng đa dạng bao gồm nhiều thị trường xuất khẩu dệt may trọng điểm của Việt Nam, chẳng hạn như Mỹ, EU và Canada. Hoạt động kinh doanh chính của TNG là sản xuất hàng may mặc CMT, với các sản phẩm chính bao gồm áo khoác, sản phẩm lông vũ, quần áo và quần áo thể thao.

Định giá

Chúng tôi đã sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do cho công ty (FCFF) để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu TNG, với tỷ suất lợi nhuận yêu cầu là 13% và giả định tăng trưởng dài hạn 0% sau năm 2036. Do đó, chúng tôi duy trì mục tiêu ở mức 26,500 đồng, nhưng nâng khuyến nghị lên Mua (từ Nắm giữ) khi giá cổ phiếu đã giảm 18.1% từ lần cập nhật gần nhất (VN-Index: +9.1%).

Rủi ro chính

Chúng tôi tin rằng những rủi ro chính đối với khuyến nghị và định giá của chúng tôi bao gồm:

- Những bất ổn từ chính sách thương mại của Mỹ
- Khai thác đòn bẩy quá mức để tài trợ cho các khoản đầu tư mới
- Cạnh tranh tiền lương với các nhà tuyển dụng khác ở miền Bắc Việt Nam, trong bối cảnh đầu tư FDI tăng
- Đầu vào phụ thuộc vào các nhà cung cấp chính từ Trung Quốc
- Biến động tỷ giá VND/USD, liên quan trực tiếp đến chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ
- Quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG)

Báo cáo HĐKD (tóm tắt)

(Tỷ VND)	2025	2026	2027	2028
Doanh thu	**8,698.6**	**9,300.0**	**9,635.0**	**10,080.0**
Giá vốn hàng bán	-7,459.4	-7,860.5	-8,187.5	-8,577.8
Lãi gộp	**1,239.2**	**1,439.5**	**1,447.5**	**1,502.2**
Thu nhập tài chính	110.7	154.9	35.0	35.0
Chi phí tài chính	-315.7	-393.3	-275.0	-254.1
Thu nhập từ công ty liên kết	0.0	0.0	0.0	0.0
Chi phí quản lý và bán hàng	-559.2	-600.0	-618.0	-636.5
Lợi nhuận hoạt động	**475.0**	**601.1**	**589.5**	**646.6**
Lợi nhuận khác	9.7	0.0	0.0	0.0
Lợi nhuận trước thuế	484.7	601.1	589.5	646.6
Thuế TNDN	-91.6	-108.2	-106.1	-116.4
Lợi nhuận sau thuế	**393.1**	**492.9**	**483.4**	**530.2**

Bảng cân đối kế toán (tóm tắt)

(Tỷ VND)	2025	2026	2027	2028
Tiền và tương đương tiền	783.8	500.0	500.0	500.0
Các khoản phải thu	1,012.7	1,146.6	1,187.9	1,239.3
Hàng tồn kho	1,445.5	1,548.5	1,613.6	1,687.2
Tài sản lưu động khác	126.3	203.8	211.2	220.3
Tài sản ngắn hạn	**3,368.3**	**3,398.9**	**3,512.7**	**3,646.8**
Tài sản cố định	3,194.8	3,070.3	2,935.8	2,791.3
Tài sản đầu tư	140.0	140.0	140.0	140.0
Tài sản dài hạn khác	206.4	206.4	206.4	206.4
Tài sản dài hạn	**3,541.2**	**3,416.7**	**3,282.2**	**3,137.8**
Tổng tài sản	**6,909.5**	**6,815.6**	**6,794.9**	**6,784.6**
Các khoản phải trả	1,397.3	1,032.3	1,075.8	1,124.8
Nợ ngắn hạn	2,371.0	2,595.3	2,492.3	2,355.7
Nợ dài hạn	956.3	856.3	756.3	656.3
Nợ khác	182.5	182.5	182.5	182.5
Nợ phải trả	**4,907.1**	**4,666.5**	**4,506.9**	**4,319.3**
VCSH và các quỹ	1,731.4	1,731.4	1,731.4	1,731.4
LNST chưa phân phối	271.0	417.7	556.6	733.9
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0.0	0.0	0.0	0.0
Tổng VCSH	**2,002.4**	**2,149.1**	**2,288.0**	**2,465.3**
Tổng nguồn vốn	**6,909.5**	**6,815.6**	**6,794.9**	**6,784.6**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tóm tắt)

(Tỷ VND)	2025	2026	2027	2028
Lợi nhuận sau thuế	393.1	492.9	483.4	530.2
Khấu hao	249.9	324.5	334.5	344.5
Thay đổi vốn lưu động	-237.1	-679.3	-70.4	-85.1
Lãi từ hoạt động đầu tư	-20.8	0.0	0.0	0.0
Khác	34.0	-88.7	-87.0	-95.4
Dòng tiền hoạt động kinh doanh	**419.2**	**49.4**	**660.5**	**694.1**
Tiền mua TSCĐ và đầu tư vốn	-689.4	-200.0	-200.0	-200.0
Khác	16.6	0.0	0.0	0.0
Dòng tiền hoạt động đầu tư	**-672.8**	**-200.0**	**-200.0**	**-200.0**
Dòng tiền vay ròng	605.6	124.3	-203.0	-236.6
Phát hành/(mua lại) cổ phần	0.0	0.0	0.0	0.0
Cổ tức tiền	-272.8	-257.5	-257.5	-257.5
Dòng tiền hoạt động tài chính	**332.8**	**-133.2**	**-460.5**	**-494.1**
Lưu chuyển tiền thuần	**79.2**	**-283.8**	**0.0**	**0.0**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	704.6	783.8	500.0	500.0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	783.8	500.0	500.0	500.0

Các chỉ số chính

	2025	2026	2027	2028
P/E (x)	6.0	8.4	8.6	7.8
P/B (x)	1.2	1.6	1.5	1.4
EPS (VND)	2,602	3,140	3,079	3,377
BPS (VND)	15,555	16,695	17,774	19,151
DPS (VND)	2,200	2,000	2,000	2,000
Tăng trưởng doanh thu (%)	13.6	6.9	3.6	4.6
Tăng trưởng LN hoạt động (%)	18.5	26.6	-1.9	9.7
Tăng trưởng EPS (%)	31.1	20.7	-1.9	9.7
Tỉ suất cổ tức (%)	8.5	7.7	7.7	7.7
Vòng quay phải thu (x)	9.9	8.1	8.1	8.1
Vòng quay hàng tồn kho (x)	5.9	4.9	4.9	4.9
Vòng quay phải trả (x)	5.9	7.3	7.3	7.3
ROA (%)	6.2	7.2	7.1	7.8
ROE (%)	20.2	23.7	21.8	22.3
Phải trả trên VCSH (%)	69.8	48.0	47.0	45.6
Nợ trên VCSH (%)	166.2	160.6	142.0	122.2
Tỉ lệ đảm bảo lãi vay (x)	2.5	2.5	3.1	3.5

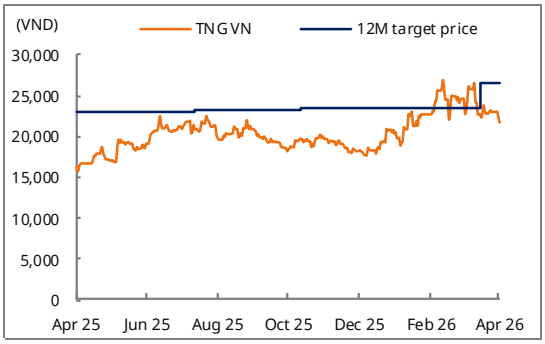
Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Securities Research

Phụ lục

Khuyến cáo quan trọng

Lịch sử khuyến nghị và giá mục tiêu 2 năm gần nhất

Công ty (mã cổ phiếu)	Ngày	Khuyến nghị	Giá mục tiêu
CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	23/04/2026	Mua	26,500
CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	27/03/2026	Nắm giữ	26,500
CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	22/10/2025	Mua	23,500
CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	22/07/2025	Tăng tỷ trọng	23,150
CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	10/04/2025	Mua	22,900



Hệ thống khuyến nghị cổ phiếu	
Mua	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 20% trở lên
Tăng Tỷ Trọng	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 10% trở lên
Nắm Giữ	: Lợi nhuận kỳ vọng trong khoảng +/-10%
Bán	: Lợi nhuận kỳ vọng từ -10% trở xuống

Thang đánh giá ngành	
Tích Cực	: Các yếu tố cơ bản thuận lợi hoặc đang cải thiện
Trung Tính	: Các yếu tố cơ bản ổn định và dự kiến không có thay đổi trọng yếu
Tiêu Cực	: Các yếu tố cơ bản không thuận lợi hoặc theo xu hướng xấu

* Hệ thống khuyến nghị của chúng tôi dựa trên lợi nhuận kỳ vọng về tăng trưởng giá cổ phiếu trong vòng 12 tháng tiếp theo.
* Giá mục tiêu được xác định bởi chuyên viên phân tích áp dụng các phương pháp định giá được đề cập trong báo cáo, một phần dựa trên dự phóng của người phân tích về lợi nhuận trong tương lai.
* Việc đạt giá mục tiêu có thể chịu tác động từ các rủi ro liên quan đến cổ phiếu, doanh nghiệp, cũng như điều kiện thị trường, vĩ mô nói chung.

Khuyến cáo

Kể từ ngày phát hành, Chứng Khoán Mirae Asset và các chi nhánh không có bất kỳ lợi ích đặc biệt liên quan đến doanh nghiệp chủ thể và không sở hữu trên 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của doanh nghiệp chủ thể.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo này xác nhận rằng (i) những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân các tổ chức phát hành và chứng khoán trong báo cáo và (ii) không có phần thù lao nào của chuyên viên phân tích đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Tương tự như các nhân viên trong công ty, Chuyên viên phân tích nhận được thù lao dựa trên doanh thu và lợi nhuận tổng thể của Chứng Khoán Mirae Asset, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, Ngân hàng đầu tư hoặc Tư vấn doanh nghiệp. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Chuyên viên phân tích không biết về bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của Chuyên viên phân tích hoặc Chứng Khoán Mirae Asset.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là MAS), là công ty chứng khoán được đăng ký tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này đã được tổng hợp từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong tài liệu này hoặc của bất kỳ bản dịch nào sang tiếng Anh từ tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của một báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng tiếp nhận được nhắm đến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, những người có kiến thức đáng kể về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán, và không có việc cá nhân nào tiếp nhận hoặc sử dụng báo cáo này sẽ vi phạm bất kỳ luật hoặc quy định hoặc đối tượng của MAS và các chi nhánh đối với các yêu cầu về đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện các giao dịch bất kỳ chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo không cấu thành lời khuyên đầu tư cho bất kỳ người nào và người đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS chỉ vì nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của các khách hàng cá nhân. Báo cáo không được dựa vào để thay thế cho việc thực hiện phán quyết độc lập. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này là kể từ ngày của tài liệu này và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ chúng có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là biểu thị cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích đã chuẩn bị chúng. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh của MAS và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ có thể có các vị trí dài hoặc ngắn trong bất kỳ chứng khoán chủ đề nào vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường mở hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên giao đại lý hoặc bên đại lý. MAS và các chi nhánh của nó có thể đã có, hoặc có thể mong đợi tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty chủ thể để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của tài liệu này có thể được sao chép hoặc tái tạo theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)
One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.
Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong
Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.
41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Securities (USA) Inc.
810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.
555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM
Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil
Tel: 55-11-2789-2100

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia
Equity Tower Building Lt. 50
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-53
Jakarta Selatan 12190
Indonesia
Tel: 62-21-515-3281

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.
6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC
7F, Le Meridien Building
3C Ton Duc Thang St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC
#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd
2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Beijing Representative Office
2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Shanghai Representative Office
38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Ho Chi Minh Representative Office
7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited
Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road,
Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098
India

Tel: 91-22-62661336